

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích Thành đá Tà Kơ
và Đường vào suối Tà Má, huyện Vĩnh Thạnh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 176/TTr-STC ngày 21/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích Thành đá Tà Kơ và Đường vào suối Tà Má;
- Chủ đầu tư: Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;
- Đơn vị thực hiện bồi thường, GPMB: UBND huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan phê duyệt dự án: UBND tỉnh Bình Định;
- Địa điểm xây dựng: Huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định;
- Thời gian khởi công, hoàn thành: ngày 03/11/2021 -21/10/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng cộng	17.031.197.000	15.700.602.000
1. Bồi thường, GPMB:	500.000.000	500.000.000
2. Chi phí xây dựng:	13.609.428.000	13.598.823.000

- Đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích Thành Đá Tà Kơ và Đường vào suối Tà Má	12.760.512.000	12.760.511.000
- Nhà quản lý đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích Thành Đá Tà Kơ	848.916.000	838.312.000
3. Chi phí quản lý dự án:	365.690.000	365.405.000
4. Tư vấn đầu tư xây dựng:	1.169.102.000	1.091.799.000
4.1. Giai đoạn lập báo cáo NCKT	415.194.000	415.194.000
- Khảo sát địa hình	292.290.000	292.290.000
- Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	104.113.000	104.113.000
- Lập nhiệm vụ khảo sát	7.971.000	7.971.000
- Chi phí giám sát khảo sát	10.820.000	10.820.000
4.2. Giai đoạn lập thiết kế BVTC-Dự toán	753.908.000	676.605.000
- Khảo sát địa hình	63.082.000	63.082.000
- Lập thiết kế BVTC-Dự toán	199.406.000	199.405.000
- Lập nhiệm vụ khảo sát	1.720.000	1.720.000
- Chi phí giám sát khảo sát	2.335.000	2.335.000
- Lập HSMT và đánh giá HSDT	23.630.000	23.630.000
- Chi phí giám sát	386.735.000	386.433.000
- Lập BC kết quả điều tra hiện trạng rừng	77.000.000	0
Chi phí khác:	581.624.000	144.575.000
- Phí thẩm định báo cáo NCKT	4.699.000	1.662.000
- Phí thẩm định thiết kế BVTC-Dự toán	15.255.000	13.998.000
- Phí thẩm định HSMT và đánh giá HSDT	11.814.000	11.814.000
- Bảo hiểm	36.637.000	36.637.000
- Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	21.014.000	0
- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	20.349.000	0
- Chi phí nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	80.000.000	0
- Chi phí nộp tiền trồng rừng thay thế	286.635.000	0
- Chi phí khảo sát lập TK kỹ thuật-DT đo đạc bản đồ địa chính phục vụ BT, GPMB	918.000	901.000
- Chi phí đo đạc và chỉnh lý bản đồ địa chính và lập HS kỹ thuật thửa đất	29.747.000	21.791.000
- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu kết quả đo đạc bản đồ địa chính	1.142.000	832.000
- Chi phí chỉnh lý giấy CN QSD đất	11.000.000	0
- Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	0
- Thẩm tra phê duyệt quyết toán	62.084.000	56.940.000
Chi phí dự phòng:	805.353.000	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1000 đồng.

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	17.031.197	15.700.602	15.643.662	56.940	0
Vốn đầu tư công			15.643.662		
-Vốn Ngân sách tỉnh:					
+ Nguồn Cấp quyền sử dụng đất			3.000.000		
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất			12.643.662		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			15.700.602.000	15.700.602.000
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			15.700.602.000	15.700.602.000

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không
- Chi phí không tạo nên tài sản: không

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	15.700.602.000	
1	Vốn đã được thanh toán	15.643.662.000	
	-Vốn Ngân sách tỉnh:	15.643.662.000	
	+ Nguồn Cấp quyền sử dụng đất	3.000.000.000	
	+ Nguồn thu tiền sử dụng đất	12.643.662.000	
2	Vốn chưa được thanh toán	56.940.000	

Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (12/12/2022) là:

- Tổng nợ phải thu: Không.
- Tổng nợ phải trả: Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: 56.940.000đ

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng cộng	15.700.602.000	
- UBND huyện Vĩnh Thạnh	9.465.357.000	
- Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh	6.235.245.000	

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Thạnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng